

Thơ ca Phan Bội Châu

THỀ và VĂN

MAI NGỌC CHƯ

1. Là một người tài cao, học rộng, Phan Bội Châu, như nhiều nhà nghiên cứu khẳng định, đã «sử dụng rất nhiều thể loại văn học» (1). «Có lẽ từ xưa đến nay trong văn học Việt Nam chưa có nhà văn nào đã chịu khổ và có gan đem ngòi bút mà thử thách trên nhiều loại văn khác nhau như Sào Nam» (2). Chỉ riêng trong lĩnh vực thơ ca, chúng ta đã thấy những nhận định trên là hoàn toàn có cơ sở. Các thể thơ đã thử nghiệm qua ngòi bút của ông thật đa dạng: lục bát, song thất lục bát, thơ Đường, phú, ca trù, hát dặm, văn tế, ...

Tuy nhiên nếu chỉ kể đến số lượng phong phú của các thể thơ mà Phan Bội Châu đã sử dụng thì chưa nêu hết được nét đặc sắc trong sáng tác của ông. Vấn đề là ở chỗ *tùy theo nội dung, mục đích của từng bài thơ mà tác giả đã chọn lựa một hình thức (thể thơ) phù hợp nhất*. Ai cũng biết rằng, cũng như Hồ Chủ tịch và một số nhà thơ cách mạng khác, Phan Bội Châu đã dùng thơ ca của mình với mục đích tuyên truyền cách mạng, làm vũ khí hoạt động cách mạng. Và tùy từng nội dung tuyên truyền, đối tượng tuyên truyền mà ông đã chọn một cách thể biện thích hợp nhất định. Để khơi dậy lòng tiếc thương những anh hùng đã mất, qua đó thức tỉnh những người sống, tác giả thường sử dụng hình thức văn tế (*Văn tế Phan Châu Trinh, Văn tế đồng bào Bình Định, Phú Yên bị nạn lụt, ...*), để khơi dậy những tình cảm sâu kín nhất của con người, tác giả đã tâm tình với người đọc bằng thể lục bát -- một thể thơ có ưu thế đặc biệt trong việc diễn đạt những tình cảm yêu thương.

Lòng ta ta phải yêu nhau
Đem lời ái chủng mấy câu dặn lòng.
Năm ngàn vạn, họ đồng tông
Da vàng máu đỏ con dòng Hùng Vương
(Ái chủng)

Trời sinh ra một giống ta
Non sông riêng một nước nhà Việt Nam
Kề năm hơn bốn nghìn năm
Ông cha một họ anh em một nhà
Giống vàng riêng một trùn da
Đen răng, dài tóc ai mà khác ai?
(Ái quần)

Nhưng khi cần động viên, thúc giục thì Phan Bội Châu đã tìm một hình thức khác «khỏe khoắn» hơn:

Đậy! đậy! đậy!
Bên án một tiếng gà vờn gáy
Chim trên cây liền nghĩ ý chào mừng.
Thẹn cùng sông, buồn cùng một bể cùng trăng
Xuân ơi xuân, xuân có biết cho chàng?
Hai mươi năm lẻ đã từng chưa với xót,
Trời đất may còn thân sống sót...

(Thơ ca chúc lễ thanh niên)

Ở đây, khác với thể 6-8, với vần bằng năm nhịp, đều đều, độ dài ngắn khác nhau của các câu thơ cùng với các vần trắc (lặng - gáy, xót - sót) đã làm cho thơ có sức lôi cuốn mạnh mẽ các tầng lớp thanh niên.

Có một điểm nữa cần phải nhấn mạnh là mặc dù là một nhà nho thực sự nhưng thơ ca Phan Bội Châu lại in rất đậm tính chất đại chúng. Bởi vậy ở thơ ông đã có cả những bài mang dấu ấn của lối «thất ngôn», ví dụ:

Ơn trời đất với ông cha trước
Đành rưng vàng bề học cho ta,
Một hạt cơm là một hạt máu pha,
Một sợi vải món biết bao là dệt ngón?

(Bài hát chữ kiệm)

Lại có cả những bài thơ 4 chữ (một dòng) phẳng phát tình chất «đồng dao» hoặc vè:

Vì người ngu dốt
Nên nổi đói nghèo,
Chém cha một giống,
Không làm mà ăn
Khoanh tay chéo chân
Giữa nanh mài miệng,
Đã lười lại biếng,
Đã tham lại kiêu...

(Khuyên học)

Với mục đích tuyên truyền rộng rãi, các hình thức trên rõ ràng là hợp lý và cần thiết.

Là một nhà nho phong kiến — thi sĩ nhưng Phan Bội Châu đã không giới hạn mình ở những thể thơ quen thuộc, những luật thơ truyền thống. Thơ văn ông, có thể nói, cũng «tung hoành ngang dọc» như chính cuộc đời phiêu bạt của ông. Ông đã từng tâm sự: «Thề thi từ cũng in như một thứ đồ cần thiết, đồ trần thiết đã lâu ngày, thì dầu đẹp để tốt tươi, mà người ta ngó ra cũng sinh chán mắt. Thề thi từ mà nghe quá quen tai, thấy quá chán mắt, thì dầu có hay đến đâu, cũng chẳng làm sao cho được công chúng hoan nghênh» (*Lối thi từ mới*). Bởi vậy đồng thời với những bài thơ Đường luật, lục bát, song thất lục bát, ... ông còn thể nghiệm ngôi bút của mình ở cả thể *thơ tự do* nữa. Các bài thơ như «*Uống rượu dưới trăng*», «*Khóc hào phú*», «*Khóc bạn trẻ*», do vậy, đã có những đóng góp nhất định và in một dấu ấn rất riêng, rất Phan Bội Châu, đặc biệt là ở cách sử dụng vần luật mà chúng ta sẽ đề cập đến ở phần dưới đây.

Như đã nói, Phan Bội Châu là một bậc nho sĩ uyên thâm nên hiểu biết rất sâu sắc về các luật thơ truyền thống Việt Nam. Những bài thơ truyền thống của ông khi cần «chuẩn» thì rất chuẩn về vần luật, phép tắc. Hàng loạt bài thơ Đường, lục bát và song thất lục bát đã chứng minh điều đó. Nhưng Phan Bội Châu hoàn toàn không phải là một ông đồ nho phong kiến cứng nhắc. Ông đã vượt khỏi cách nhìn, nếp nghĩ của một nhà nho phong kiến, vượt ra khỏi những khuôn sáo của lối văn chương «trường ốc» khô cứng. Trong thơ ông người ta luôn thấy những tìm tòi, sáng tạo, cầu tiến. Ở ông có sự kết hợp nhuần nhuyễn, hài hòa những tinh hoa của truyền thống và những tìm tòi, phát hiện mới của mọi người cách mạng. Hai đặc điểm truyền thống và cách tân trong thơ ông được bộc lộ ở nhiều mặt, trong đó có cả cách gieo vần.

Cách gieo vần theo đúng luật có thể tìm thấy ở bất kỳ bài thơ Đường luật nào của ông, chẳng hạn bài *Say ngắm*:

Việc lớn như trời ghép một bên,
 Chẳng say thì cũng chứa gì nên.
 Thân không cương tỏa trong trời đất,
 Bận có tinh thần trước bút nghiên
 Chén rượu dưới trăng, pha giọng thánh,
 Cảnh hoa bên gió nở màu thiên,
 Sự tu hết cả mau thành Phật,
 Còn phải đèo hông với chị em

Tuy nhiên, cái đang quan tâm hơn, theo chúng tôi, là ở cách gieo vần độc đáo của Phan Bội Châu.

Như mọi người đều biết, ở khổ thơ «bốn câu ba vần», âm tiết cuối dòng thơ ba ba giờ cũng mang một thanh điệu đối lập về âm điệu với các âm tiết cuối, của ba dòng còn lại, ví dụ:

Đêm ngày mơ tưởng mặt Hồng Lâu (B)

Nếu hóa thân làm ngoại giới sao. (T)

Thời tiết một hơi về tận Nghệ. (T)

Câu thơ bầu rượu hợp anh em (B)

(Ngày tháng năm giờ bạn)

(Âm tiết « Nghệ » mang thanh trắc (T) đối lập với các âm tiết « lam », « nguyệt », « em » mang thanh bằng (B)).

Nhưng đồng thời với cách gieo vần chuẩn ấy, Phan Bội Châu còn tạo ra một cách gieo vần khác khá độc đáo: cho *cả âm tiết cuối bốn dòng hiệp vần với nhau và tất cả chúng đều chứa những thanh công âm điệu: cùng bằng hoặc cùng trắc*. Ví dụ:

— Cùng bằng:

Anh chớ đi! Anh chớ đi! (B)

Em cố can anh, anh cứ đi! (B)

Anh ơi anh, anh phải suy. (B)

Sau lưng anh đã có những gì? (B)

— Cùng trắc:

Anh chớ nóng! Anh chớ nóng! (T)

Em cố can anh, anh cứ nóng! (T)

Anh ơi anh, anh tự trọng (T)

Lỡ một nước cờ, muốn vạc hồng (T)

(Con anh)

Cho tất cả các âm tiết cuối bắt vần với nhau và bỏ mất sự đối lập bằng - trắc ở các âm tiết cuối dòng, tác giả đã tạo ra cho khổ thơ một âm hưởng rất đặc biệt. Và ở đây chính *cái lời khuyên khác thường* ấy của vợ là nhằm vào mục đích *thúc tỉnh* người chồng, buộc anh ta phải xem xét, suy nghĩ lại hành động của mình.

Cũng trong khổ 4 dòng nhưng có hai cặp vần thì, theo lệ thường, sự phân bố các vần là abab hoặc abba. Ví dụ:

Chả có chuyện gì đâu (a)

Buổi chiều trên đường Lãng (b)

Chúng mình đi với nhau (a)

Suốt khoảng dài im lặng (b)

(Những khoảng im lặng - Nguyễn Huy Dung)

Anh lên xe trời đổ cơn mưa (a)
Cái gạt nước xua đi nỗi nhớ (b)
Em xuống núi nâng vờ rục rỡ (b)
Cái nhánh cây gạt mối riêng tư (a)

(Trường Sơn đông, Trường Sơn tây – Phạm Tiến Duật)

Trong thơ Phan Bội Châu ông đã không sử dụng hình thức gieo vần phổ biến này mà chọn hình thức ít gặp aabb.

Ví dụ:

Vào thành ra cửa đóng (a)
Xe ngựa chạy tứ tung (a)
Vào thành ra cửa tắt (b)
Sa gấm rục như mây (b)
Vào thành ra cửa nam (a)
Áo mũ đỏ pha chàm (a)
Vào thành ra cửa Bắc (b)
Mưa gió đen hơn mực (b)

(Vào thành)

Và một đặc điểm nổi bật nữa là nếu như ở khổ thứ hai trong bài thơ trên 4 âm tiết cuối được phân đều thành hai âm tiết chứa thanh bằng (« nam » – « chàm ») và hai âm tiết chứa thanh trắc (« bắc » – « mực ») thì ở khổ thứ nhất vừa dẫn và ở khổ thứ ba dưới đây, tất cả đều chỉ mang thanh bằng:

Dạy khắp trong voi ngoai,
Đầu địch vang tại trời.
Đầu lòng có một người.
Hỏi ai, ai biết ai?

(Vào thành)

Cái khác người trong cách gieo vần của Phan Bội Châu chính là ở chỗ đó, tức là ở cách dùng các vần cùng âm điệu. Hiện tượng này không chỉ diễn ra trong một khổ mà còn trong toàn bài, tiêu biểu nhất là những bài thơ tự do tác giả làm trong thời kỳ đầy lên phong trào « thơ mới ». Dưới đây là một bài toàn vần bằng:

Dưới trăng ngồi một mlak
Một be, một chén, một ông kênk.
Bà con anh em không ai ở chung quanh,

Thấp thoáng nghe nơi gõ tụng lay trên *cánh*
Tuông to có khách tới, to ra khêu vàng *lanh*
Ngước mặt lên trời thấy có mặt *tràng*
Cơm hời cỡ trang có tình rươi luy *chàng?*
Cổ tay thành chẳng nói chẳng *tàng*,
Ngó như hích tìm tìm cuối năm *tàng*.

(Đặng Thai Mai dưới trăng)

Và một bài toán văn trắc.

Ai là gì báo *phủ*,
Ai chẳng lúc lem trâm trổ vì chi *đủ*, báo *phủ*
Tiệt đau đớn cho các *ông*
Mắt đã biết bao ngày *xanh*,
Mau đã biết bao ngày *đỏ*,
Đi tìm một, vì tham con dế tặc con *rồ*,
Một báo tay, vì buộc cò neo treo cò *chờ*,
Nững ước ao, hàng bạc ư muốn năm, nữ đồng thiên van *cờ*,
Số ấy tới lạng trâm cò, hạn - ngùn *cờ*,
Rượu bao mãi kiếm tiền, chẳng kể đăm to, đăm *ngờ*.

(Khắc hạo phủ)

Cũng có khi một số văn cùng âm điệu rất y dục, số nhảm, gây ấn tượng rất mạnh:

Lần - giêng nhà tôi có con *Thần*,
Con cụ phau xe hơi chực *tuổi*,
May một nó cũng xem ra *giỏi*,
Trở g đám bà con nó cũng *lỗi*,
Cục vì nhà nó quá nghèo *đau*,
Nó giành nước thuê qua sơm *túi*,
Nhà nó với tôi cũng gần *gòi*,
Nó giành nước thuê cho tôi *mũi*.

(Kể trộm gói)

Với một con người cứu vãn sự vấy-vùng khắp chốn như cụ Phan, văn thơ có nhiều điểm mới lạ, cách tân sâu cũng là điều dễ hiểu. Nghiên cứu về Người, về thơ văn của Người, chúng ta không thể không xem xét, đào sâu vào những cống hiến độc đáo, riêng biệt đó của Phan Bội Châu.

Chú thích

[1] Xem: Thơ văn Phan Bội Châu. Chương Thân biên soạn, giới thiệu, NXB Văn học, H. 1985, tr. 23

[2] Đặng Thai Mai. Văn thơ Phan Bội Châu. NXB Văn hóa, H., 1960, tr. 83.